TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNGĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **285**/2026/DS-PT
Ngày: 25/5/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh và bà Phạm Phong Lan

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Việt Quốc – Thẩm tra viên tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở A, xét xử phúc thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số 227/2026/TLPT-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2026, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST, ngày 04 tháng 12 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 353/2026/QĐ-PT, ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1962

Nơi cư trú: số I thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn*:* ông Mai Thanh H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968

Cùng cư trú: thôn V, xã H, tỉnh Lâm Đồng

Do có kháng cáo của bị đơn ông Mai Thanh H

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: do quen biết thân thiết nên bà có cho vợ chồng ông H, bà P vay tổng số tiền 50.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" đề ngày 20/11/2022, ông H là người viết, ký và ghi tên vào Giấy mượn tiền đề ngày 20/11/2022. Sau đó, vợ chồng ông H, bà P có gửi cho bà Huỳnh Thị T1 (là em ruột của bà T) số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để trả cho bà nên bà có ghi

vào trong giấy mượng tiền, số tiền còn lại 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến nay ông H, bà P vẫn chưa trả cho bà. Bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu vợ chồng ông H, bà P trả số tiền trên nhưng ông H, bà P không trả. Quá trình giải quyết vụ án, bà có yêu cầu Toà án giám định chữ ký, chữ viết của ông H trên "Giấy mượn tiền" đề ngày 20/11/2022 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 - Lâm Đồng buộc vợ chồng ông H, bà P phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Thanh H và bà Nguyễn Thị P trình bày: chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng tôi phải trả số tiền gốc 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Vợ chồng tôi thừa nhận năm 2019 do vợ tôi bị bệnh nên tôi có mượn của bà T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để điều trị bệnh cho vợ. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến năm 2023 mỗi năm vợ chồng có trả cho bà T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền lãi, tổng số tiền lãi đã trả là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Cuối năm 2024 (trước Tết nguyên đán 2025) vợ chồng tôi có gửi cho bà Huỳnh Thị T1 (là em ruột của bà T) 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để trả cho bà T, đồng thời 02 vợ chồng có xuống nhà trả thêm cho bà T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi và gốc mà vợ chồng tôi đã trả cho bà T là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Nay vợ chồng tôi đã già yếu, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ bệnh nặng nên chúng tôi không còn khả năng trả nợ nên xin không trả nợ cho bà T số tiền gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vì chúng tôi đã trả lãi gấp nhiều lần số tiền gốc trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST, ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

1. Buộc ông Mai Thanh H và bà Nguyễn Thị P1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, bị đơn ông Mai Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST, ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Nguyên đơn đề nghị yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã thực hiện việc nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay là 40.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có nơi cư trú tại thôn V, xã H, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Lâm Đồng thụ lý và giải quyết theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng: ông Mai Thanh H có vay của bà Huỳnh Thị T số tiền 50.000.000 đồng để điều trị bệnh cho vợ. Nguyên đơn xác nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng tiền gốc. Bị đơn ông H bà P chỉ thừa nhận còn nợ lại nguyên đơn 20.000.000 đồng tiền gốc.

[4.1] Tại Kết luận giám định số 1331/KLGĐ-PC09 ngày 24/11/2025 của Phòng K - Công an tỉnh L kết luận: *Chữ ký, chữ viết có nội dung: "Giấy mượng tiền Hải Phượng có mượng 50.000.000 (năm mươi triệu) ngày 20 tháng 11, năm 2022 - ký tên - H" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Thanh H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết.*

[4.2] Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà T nộp thêm tài liệu chứng cứ là 01 giấy mượn tiền (ghi ngày 26/4/2020) có nội dung vợ chồng ông H mượn số tiền 70.000.000 đồng; bà T thừa nhận đây là khoảng vay trước đó, khi vợ chồng ông H bà P trả số tiền 20.000.000 đồng bà mới viết lại giấy mượn tiền với số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 20/11/2022.

[5] Xét thấy, tại bản tự khai bổ sung đề ngày 16/01/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm, vợ chồng bị đơn thừa nhận ông Mai Thanh H là người viết và ký "*Giấy mượng tiền"* đề ngày 20/11/2022 phù hợp với Kết luận giám định số 1331/KLGĐ-PC09 ngày 24/11/2025 của Phòng K - Công an tỉnh L kết luận *chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Thanh H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết.*

Mặc dù, ông H bà P không thừa nhận có mượn bà T số tiền 50.000.000 đồng nhưng thừa nhận đã trả cho bà T 02 lần tổng tiền là 30.000.000 đồng (lần 01 đưa trực tiếp cho bà T 20.000.000 đồng; lần 02 đưa qua bà Huỳnh Thị T1 số tiền 10.000.000 đồng) còn nợ bà T số tiền gốc 20.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, Tòa án sơ thẩm xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn 50.000.000 đồng là có căn cứ.

Nguyên đơn xác nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng. Bị đơn ông H, bà P trình bày đã trả tiền cho bà T vào tháng 02/2022; chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 20.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được tài liệu để chứng minh việc đã trả nợ tiền cho nguyên đơn nên Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 40.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Bà Nguyễn Thị P là vợ hợp pháp của ông Mai Thanh H, tuy bà P không ký vào *"Giấy mượn tiền"* đề ngày 20/11/2022 nhưng bà P thừa nhận việc vay mượn tiền giữa ông H và bà T bà P đều biết, bà là người cùng ông H đi vay và trả tiền cho bà T, hơn nữa mục đích vay tiền là để chữa bệnh cho bà. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 buộc bà P và ông H cùng có trách nhiệm trả nợ là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình, nên không có cơ sở để chấp nhận như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa phúc thẩm.

[7] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Thanh H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST, ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng.

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

1. Buộc ông Mai Thanh H và bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Mai Thanh H và bà Nguyễn Thị P phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Mai Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng án tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0002931 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về chi phí tố tụng: buộc ông Mai Thanh H và bà Nguyễn Thị P phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết để hoàn trả cho bà Huỳnh Thị T.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND khu vực 11 – Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THA 11 – Lâm Đồng;
- Đương sự có kháng cáo;
- Các đương sự có liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thanh Thái